TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2020
Về việc: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T - TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh**.**

Hội thẩm nhân dân**:** 1. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

2. Ông Hà Minh Tấn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly – Công chức Tòa án nhân dân huyện Tân T .

Ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 86/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 18/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 09/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Ngọc G, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp Mỹ Ngh I, xã Mỹ Đức T, huyện Cái B, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn N, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp Trương C Ý, xã Tân L , huyện Tân T , tỉnh Long An.

(*Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt mà không phải vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và bản tự khai của chị Lê Thị Ngọc G trình bày nội dung vụ kiện như sau:

Chị G và anh N chung sống với nhau năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân L vào năm 2014. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2018 giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cự cãi với nhau. Do đó, Chị G và anh N đã sống ly thân với nhau từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân chị xét thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Bảo L , sinh ngày 11/8/2014. Con chung do anh N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đồng ý giao con chung cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: anh Lê Văn N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó trong hồ sơ không thể hiện ý kiến của anh N.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Lê Văn N vắng mặt. Tuy nhiên, xét thấy Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 18/6/2020 nhưng tại phiên tòa ngày 09/7/2020, anh N vắng mặt lần thứ nhất không lý do. Tòa án đã có quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 09/7/2020 và Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho anh N. Tại phiên tòa hôm nay, ngày 29/7/2020 anh N vẫn vắng mặt không phải vì lý do chính đáng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị G và anh N kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân L , huyện Tân T , tỉnh Long An nên hôn nhân của Chị G và anh N là hôn nhân hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân của Chị G và anh N, theo trình bày của Chị G, giữa chị và anh N luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, không hòa giải

được dẫn đến hôn nhân không được hạnh phúc. Chị và anh N đã ly thân từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân giữa Chị G và anh N vẫn không thể khắc phục được mâu thuẫn. Do đó, Chị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Tại phiên tòa Chị G vẫn cương quyết xin ly hôn. Anh N vắng mặt không có lý do từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay nên không thể hiện ý kiến. Xét thấy thời gian chung sống giữa Chị G và anh N đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của Chị G là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị G và anh N có 01 con chung là cháu Lê Bảo L , sinh ngày 11/8/2014. Xét thấy trong thời gian Chị G và anh N sống ly thân, con chung do anh N trực tiếp nuôi dưỡng và vẫn đảm bảo quyền lợi cho con. Chị G cũng thống nhất giao cho anh N tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, chị không giành quyền nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung cho anh N trực tiếp nuôi. Trong trường hợp anh N có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết trong vụ kiện khác. Chị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị G trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; cá điều 51, 56 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc G

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc G được ly hôn với anh Lê Văn N.

2. Về con chung: Anh Lê Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Lê Bảo L , sinh ngày 11/8/2014.

Bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc G phải chịu 300.000 đồng án phí khi ly hôn. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Chị G đã nộp theo biên lai thu số 0000882, ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T sang thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Long An;
- VKS huyện Tân T ;
- CCTHA huyệnTân T ;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Ánh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Nhuận **Hà Minh Tấn** **Nguyễn Thị Ngọc Ánh**